| | |
|---|---|
| **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2026/QĐ-CTUBND | *Cần Thơ, ngày tháng 12 năm 2026* |

**DỰ THẢO**

# QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do nhà nước đầu tư, quản lý trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 178/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;*

*Theo đề nghị của Quyền Giám đốc Sở Tài chính;*

*Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý trên địa bàn thành phố Cần Thơ.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm: Tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hạ tầng thương mại, hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng công nghiệp công nghệ số (bao gồm cả khu công nghệ số tập trung); tài sản kết cấu hạ tầng văn hóa, hạ tầng thể thao, hạ tầng du lịch; tài sản kết cấu hạ tầng đô thị; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; tài sản kết cấu hạ tầng đê điều; tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá, khu neo đậu, khu tránh trú bão và tài sản kết cấu hạ tầng khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định này không điều chỉnh đối với tài sản kết cấu hạ tầng được quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng, gồm:

a) Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ: Sở Xây dựng (tài sản kết cấu hạ tầng đô thị), Sở Nông nghiệp và Môi trường (tài sản kết cấu hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; tài sản kết cấu hạ tầng đê điều; tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá, khu neo đậu, khu tránh trú bão), Sở Khoa học và Công nghệ (tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao; tài sản kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng công nghiệp công nghệ số (bao gồm cả khu công nghệ số tập trung), Sở Công Thương (tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; tài sản kết cấu hạ tầng thương mại ), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (tài sản kết cấu hạ tầng văn hóa, hạ tầng thể thao, hạ tầng du lịch), Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ (tài sản kết cấu hạ tầng tại khu kinh tế, công nghiệp) và tài sản kết cấu hạ tầng khác thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan quản lý chuyên ngành hạ tầng cấp xã là Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng, gồm:

a) Cơ quan quản lý tài sản thuộc Ủy ban nhân dân thành phố bao gồm các cơ quan được nêu tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này.

b) Cơ quan quản lý tài sản cấp xã: Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường).

c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp khác có vốn nhà nước được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng.

3. Sở Tài chính và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định giao đối với tài sản kết cấu hạ tầng thuộc địa phương quản lý cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của địa phương**

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý cho các cơ quan, tổ chức đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố; quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của mình cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

3. Việc phân cấp thẩm quyền quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng quy định tại các khoản 1, 2 Điều này không áp dụng đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 2 Quyết định này quản lý.

b) Tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án đã xác định đối tượng thụ hưởng.

**Điều 4. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt giá khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo phương thức cơ quan, đơn vị quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác đối với các dịch vụ (trừ các dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b khoản 12 Điều 17 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP)**

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng nêu tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định phê duyệt giá khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của thành phố.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt giá khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của mình cho cơ quan, đơn vị quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

**Điều 5. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của thành phố được sử dụng theo nhiều công năng (vừa sử dụng làm hạ tầng này vừa sử dụng vào mục đích làm hạ tầng khác, tài sản khác) hoặc sử dụng một phần tài sản kết cấu hạ tầng kết hợp với tài sản khác nhằm nâng cao hiệu quả khai thác của các tài sản được kết hợp với nhau (sau đây gọi là khai thác hỗn hợp) trên cơ sở tham mưu của cơ quan quản lý chuyên ngành về công năng chính của tài sản kết cấu hạ tầng nêu tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này.

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng nêu tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố lập.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương lập.

**Điều 6. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của thành phố được sử dụng theo nhiều công năng (vừa sử dụng làm hạ tầng này vừa sử dụng vào mục đích làm hạ tầng khác, tài sản khác) hoặc khai thác hỗn hợp trên cơ sở tham mưu của cơ quan quản lý chuyên ngành về công năng chính của tài sản kết cấu hạ tầng nêu tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này.

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng nêu tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố lập.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương lập.

**Điều 7. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của thành phố được sử dụng theo nhiều công năng (vừa sử dụng làm hạ tầng này vừa sử dụng vào mục đích làm hạ tầng khác, tài sản khác) hoặc khai thác hỗn hợp trên cơ sở tham mưu của cơ quan quản lý chuyên ngành về công năng chính của tài sản kết cấu hạ tầng nêu tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này.

2. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng nêu tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố lập.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường quyết định phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương lập.

**Điều 8. Phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng nêu tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng có nguyên giá theo sổ

sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

**Điều 9. Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng nêu tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sang cho cơ quan, đơn vị ngoài phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương; quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sang cho cơ quan, đơn vị ngoài phạm vi quản lý.

**Điều 10. Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng nêu tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán đối với tài sản kết cấu hạ tầng có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

**Điều 11. Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng**

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng nêu tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

**Điều 12. Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

1. Cơ quan quản lý chuyên ngành nêu tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

**Điều 13. Tổ chức thực hiện**

1. Nhiệm vụ của các cơ quan quản lý chuyên ngành về hạ tầng

a) Chủ trì rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng do các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý đang quản lý hoặc tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản).

b) Chủ trì lập hồ sơ, quản lý, lưu trữ đối với các hồ sơ đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp, cải tạo tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật chuyên ngành về hạ tầng và pháp luật khác có liên quan.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan có ý kiến đối với việc giao tài sản, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (phê duyệt Đề án khai thác, phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê, chuyển nhượng quyền khai thác tài sản), xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, phê duyệt theo thẩm quyền hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền quyết định, phê duyệt theo quy định.

d) Hướng dẫn rà soát, phân loại, lập danh mục tài sản kết cấu hạ tầng để phục vụ việc kế toán, tính hao mòn, trích khấu hao, báo cáo và xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại Nghị định số 178/2026/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

đ) Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình tổ chức thực hiện Đề án chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; kịp thời xử lý các vi phạm, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ của đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng

a) Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của thông tin, số liệu kê khai, hồ sơ pháp lý và hồ sơ khác phục vụ việc giao tài sản, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (phê duyệt Đề án khai thác, phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá cho thuê, chuyển nhượng quyền khai thác tài sản), xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

b) Rà soát, phân loại, lập danh mục tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý để phục vụ việc kế toán, tính hao mòn, trích khấu hao và báo cáo theo quy định tại Nghị định số 178/2026/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

c) Đăng nhập, chuẩn hóa dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

d) Lập báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 23 tháng 02 hàng năm theo đúng quy định.

đ) Ban hành quy chế cung cấp các dịch vụ quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều 17 Nghị định số 178/2026/NĐ-CP để thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch, hiệu quả, không gây thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

e) Thực hiện rà soát, thống kê, phân loại và giao tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định tại Nghị định số 178/2026/NĐ-CP trong thời hạn 02 năm đối với tài sản kết cấu hạ tầng hiện có tại thời điểm Nghị định số 178/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

3. Nhiệm vụ của Sở Tài chính

a) Phối hợp hướng dẫn các đơn vị thực hiện rà soát, phân loại, lập hồ sơ kế toán tài sản; đồng thời theo dõi chung việc tổ chức thực hiện, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc của các ngành, địa phương trong quá trình triển khai để hướng dẫn xử lý hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

b) Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, gửi Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 28 tháng 02 hàng năm.

**Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với các hợp đồng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đã được cơ quan, người có thẩm quyền ký kết theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định đến hết thời hạn của hợp đồng ký kết.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của pháp luật trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; các công việc chưa thực hiện đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành và việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

**Điều 15. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ….. tháng ….. năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trưởng Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Văn phòng Chính phủ
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB&TCTHPL);
- TT. Thành ủy; TT. HĐND thành phố;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở, ban ngành TP;
- UBND cấp xã;
- Cổng Thông tin điện tử TP;
- Công báo thành phố;
- VP UBND TP;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH**